

Số: **203/2020/QĐST-HNGĐ**

*Châu Thành, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 263/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

\* *Nguyên đơn:* **Trần Thị Cẩm N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn:* **Trần Lương A**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã S, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm N và anh Trần Lương A.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Cẩm N và anh Trần Lương A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị N được quyền nuôi 02 con là Trần Khương Song N, sinh ngày 26/10/2005 và Trần Hoàng K, sinh ngày 18/3/2013. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: chị N và anh A cùng khai là không có nên không xét đến.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) **chị N đồng ý** chịu toàn bộ. Số tiền án phí của chị N **được trừ vào** biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001109 ngày 06 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H.
- Lưu.

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Trương Thị Tiến**